TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-12-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh văn Hoàn.

2. Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 604/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022, về "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị A, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chị A có đơn xin vắng mặt, anh B vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/10/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị A trình bày:

Chị với anh B chung sống vợ chồng năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 20/01/2001. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh B thường xuyên ăn chơi, cờ bạc, gây nên nợ nần và còn sống không

chung thủy, thường xuyên bỏ nhà đi ra bên ngoài sinh sống. Từ đó làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Thời gian qua vì không muốn hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ, làm ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của các con. Nên chị cố gắng nhường nhịn anh B trong cuộc sống và khuyên anh B nên sửa đổi tính tình với hy vọng sẽ hàn gắn được tình cảm vợ chồng, để cùng lo làm nuôi con. Nhưng chị càng cố gắn bao nhiêu thì cuộc sống vợ chồng cũng không có hạnh phúc mà trái lại mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng ngày càng gay gắt.

Hiện tại mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Q, sinh ngày 03/02/2001 và T, sinh ngày 04/4/2003. Các con đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị A có đơn xin vắng mặt. Anh B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị A và anh B theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh B chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 20/01/2001 nên quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B là hợp pháp. Chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn như trên, vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay nên chị A khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh B. Nhưng anh B không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng, cũng không có ý kiến gì để phản đối yêu cầu xin ly hôn của chị A nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị A có căn

cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị A và anh B có hai người con chung tên Q, sinh ngày 03/02/2001 và T, sinh ngày 04/4/2003. Hai cháu Q và T đã thành niên, chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh B không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị A ly hôn với anh B.

2. Án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016887 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị A đã thi hành xong án phí.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức